TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-PT
Ngày 27-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Kim Trường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Bà Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thuỳ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình: Ông Lê Quý Thanh – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLPT-DS ngày 28/11/2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐ-PT ngày 26/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm K, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm C, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị H2, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm B, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm G, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Vũ Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/07/2022 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị H1 trình bày:

Do có quan hệ quen biết nhau nên ngày 08/6/2020 bà H1 có cho bà Vũ Thị H2 vay số tiền 320.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn. Khi vay, bà H2 có viết giấy biên nhận và thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 30/6/2020, không thoả thuận về lãi suất. Đến ngày 30/6/2020, bà H2 không trả khoản tiền trên cho bà H1 như thoả thuận mặc dù bà H1 đã nhiều lần yêu cầu bà H2 trả nợ. Ngày 27/10/2020, bà H2 cùng chị Lê Thị H đến nhà bà H1 trình bày bản chất khoản vay trên là để cho bà H vay lại nhưng do kinh tế khó khăn nên bà H chưa có tiền để trả lại cho bà H1. Bà H cũng thừa nhận có nhờ bà H2 vay hộ khoản tiền 320.000.000 đồng. Bà H2 và bà H xin khất nợ và cả hai tự nguyện viết giấy hẹn trả đủ số nợ trên cho bà H1 và ngày 30/12/2020. Đến hạn như trong giấy hẹn, bà H2 và bà H không trả bà H1 khoản tiền trên dù bà H1 nhiều lần gọi điện thoại và đến nH gặp trực tiếp để đòi tiền. Vì vậy, bà H1 khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn buộc bà H2 phải thanh toán cho bà H1 khoản nợ trên kèm lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho đến khi xét xử.

Bị đơn bà Vũ Thị H2 trình bày:

Bà H2 thừa nhận việc vay nợ giữa bà và bà H1 là có thật. Ngày 08/6/2020, Bà H2 là người trực tiếp viết giấy biên nhận vay số tiền 320.000.000 đồng của bà H1. Tuy nhiên, Bà H2 cho rằng số tiền vay nợ 320.000.000 đồng ghi trong giấy biên nhận là cộng dồn tiền nợ gốc và nợ lãi của các khoản vay nợ trước đó. Thực tế bà vay số tiền trên là để cho bà Lê Thị H vay lại, nhưng do kinh tế khó khăn bà H chưa có tiền trả lại cho bà H2 để bà H2 trả cho bà H1. Đến ngày 27/10/2020, bà H2 và bà H lên nhà bà H1 để khất nợ đến ngày 30/12/2020 thì bà H2 và bà H sẽ tất toán cho bà H1 khoản nợ trên. Bà H1 chấp nhận nên bà H2 và bà H tự nguyện viết giấy hẹn trả tiền và cùng ký tên. Tuy nhiên, đến hẹn mà bà H2 và bà H chưa trả được nợ theo kỳ hạn nên ngày 29/7/2022, bà H2 và bà H tiếp tục lập Biên bản về việc thoả thuận và cam kết trả nợ, theo đó bà H thừa nhận vay của bà H2 320.000.000 triệu, nguồn gốc số tiền trên là bà H2 vay của bà H1. Bà H cam kết mỗi tháng bà trả cho bà H2 10.000.000 đồng để bà H2 trả bà H1. Nay bà H1 khởi kiện yêu cầu bà H2 trả nợ, bà H2 không đồng ý vì bà cho rằng đã trả hết toàn bộ số tiền đã vay cho bà H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận có vay tiền của bà H2, sau khi vay thì bà H2 có nói cho bà biết là số tiền trên bà H2 vay của bà H1. Bà H2 không có tiền trả nợ bà H1 nên ngày 27/10/2020 bà H2 bảo bà H cùng lên nH bà H1 để khất nợ và có viết giấy hẹn trả nợ bà H1 vào ngày 30/12/2020. Do làm ăn gặp khó khăn nên chưa có tiền để trả khoản nợ trên cho bà H1 theo đúng kỳ hạn đã thoả thuận nên ngày 29/7/2022, bà H2 và bà H tiếp tục lập Biên bản về việc thoả thuận và cam kết trả nợ, theo đó bà H thừa nhận vay của bà H2 320.000.000 triệu, nguồn gốc số tiền trên là bà H2 vay của bà H1. Bà H cam kết mỗi tháng trả cho bà H2 10.000.000 đồng để bà H2 trả bà H1 Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H1, bà H đã trực tiếp trả nợ được cho bà H1 01 xe phân đạm NPK và tiền mặt, tổng cộng 73,5 triệu đồng.

Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, ngày 11/01/2023 bà Vũ Thị H2 có đơn tố giác bà Cao Thị H1 về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đến Cơ quan điều tra Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Sau khi điều tra, xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã ban hành Kết luận số 02/KL-HS kết luận xác minh kiến nghị khởi tố của Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình về việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với nội dung: Hành vi của Cao Thị H1 không cấu thành tội phạm và Thông báo số 159/TB-HS ngày 12/3/2023 về việc không khởi tố vụ án hình sự.

Bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 2 Điều 86, Điều 87, Điều 147, Điều 271, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 134, Điều 138, Điều 141, khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 166, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị H1. Buộc bà Vũ Thị H2 phải có trách nhiệm trả cho bà H1 số tiền nợ gốc 320.000.000 đồng và số tiền lãi 99.068.800 đồng. Tổng cộng là 419.068.800 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/7/2023, bà Vũ Thị H2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Đề nghị toà phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H1, yêu cầu bà H1 trả lại số tiền bà H2 đã trả thừa cho bà H1 là 54.500.000 đồng.

Ngày 03/8/2023, bà Vũ Thị H2 nêu trong đơn kháng cáo (bổ sung), không đồng ý với bản án sơ thẩm vì bản án giải quyết không khách quan, không đúng quy định pháp luật và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình xét xử theo thủ tục phúc thẩm để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vũ Thị H2.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bà Vũ Thị H2 có ý kiến: Bà có viết và ký giấy biên nhận số tiền 320.000.000 đồng với bà H1, thực tế bà chỉ vay bà H1 182.000.000 đồng, số tiền theo giấy biên nhận này là cộng cả số tiền lãi vào. Bà H2 đã trả lãi nhiều lần cho bà H1 nhưng bà H1 không viết giấy tờ hay ký vào sổ sách gì. Các tài liệu, chứng cứ bà đã nộp đầy đủ cho Toà án cấp sơ thẩm, không nộp bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình xét xử bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày đồng ý với lời khai của bà Vũ Thị H2. Đề nghị Toà án phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Cao Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H2 là người vay tiền, tự tay bà H2 viết giấy biên nhận nợ, không có ai ép buộc bà H2 viết giấy tờ trên, cơ quan công an cũng đã điều tra xác minh không có việc ép buộc, không cho vay nặng lãi. Do vậy, đề nghị bà H2 trả cho bà H1 số tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Vũ Thị H2 trình bày các nội dung như trong đơn kháng cáo, cho rằng số tiền 320 triệu đồng mà bà viết giấy nhận nợ là do cộng dồn tiền gốc và tiền lãi của các khoản vay trước, bà H1 ép bà phải viết

giấy nhận nợ trên; bà H2 trình bày đã nhiều lần trả nợ cho bà H1 và tính tổng số tiền mà bà đã trả là 234.500.000 đồng, vượt hơn so với khoản nợ gốc 182.000.000 đồng là 54.500.000 đồng.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thấy rằng: Ngày 08/6/2020 bà H2 đã viết giấy biên nhận vay chị H1 320 triệu đồng, bà H2 trình bày là đã trả hết nợ nhưng bà H2 không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình, một số tờ giấy ghi việc vay và trả nợ của bà H2 nhưng đều là bản phô tô. Việc viết giấy biên nhận là tự nguyện, không bị ép buộc nên giữa bà H2 và H1 đã lập một hợp đồng vay tài sản. Bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H2 trả tiền vay gốc 320 triệu đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm tính ngày bắt đầu tính lãi chậm trả từ 01/7/2020 là không chính xác vì ngày 27/10/2020 bà H2 và bà H có giấy hẹn trả vào ngày 30/12/2020 gửi chị H1 nên ngày vi phạm nghĩa vụ và phải tính lãi chậm trả là từ ngày 31/12/2020. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để sửa án dân sự sơ thẩm về thời gian tính lãi cũng như án phí dân sự sơ thẩm tương ứng.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ tòa diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Nguyên đơn bà Cao Thị H1 khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Vũ Thị H2 trả lại số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản. Bị đơn Vũ Thị H2 có HKTT tại xóm B, xã A, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 24/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sử thẩm. Ngày 29/7/2023, bà Vũ Thị H2 có kháng cáo. Căn cứ Điều 273, bị đơn Vũ Thị H2 trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

[2]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn

[2.1] Về kháng cáo cho rằng giấy nhận nợ ngày 08/6/2020 là do bà H1 ép buộc bị đơn phải viết.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm viết giấy biên nhận trên, các bên đều có đầy đủ năng lực Hnh vi dân sự, bà Vũ Thị H2 cũng thừa nhận là người trực tiếp viết giấy biên nhận nói rõ vay bà Cao Thị H1 số tiền 320.000.000 đồng, chữ viết và chữ ký trong giấy biên nhận là của bà H2. Bà H2 cho rằng bị bà H1 ép phải viết giấy biên nhận nhưng bà H2 không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh là bị bà H1 ép buộc. Mặt khác tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ở giai đoạn sơ thẩm bà H2 đều thừa nhận đã vay của bà H1 320.000.000 đồng như giấy biên nhận mà không có ý kiến gì về việc bị bà H1 ép buộc phải viết giấy, mà chỉ có ý kiến rằng số tiền vay nợ trên là cộng dồn nợ gốc và nợ lãi của các khoản vay trước và đã được bà H2 trả hết cho H1 nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H1. Ngoài ra, do không trả nợ đúng hẹn nên ngày 27/10/2020 bà Vũ Thị H2 và bà Lê Thị H đã viết giấy hẹn trả nợ số tiền 320.000.000 đồng mà bà H2 đã vay của bà H1. Từ những căn cứ và nhận định trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo này của bị đơn.

[2.2] Về kháng cáo cho rằng số tiền 320.000.000 đồng ghi trong giấy nhận nợ không phải là cho vay bằng tiền mặt mà là chốt nợ gốc và nợ lãi của khoản vay 180 triệu đồng trước đó và bà H2 không những đã trả hết nợ cho bà H1 mà còn trả thừa 54.500.000 đồng.

Bị đơn Vũ Thị H2 trình bày ngoài việc bà viết giấy biên nhận nợ thì ngày 08/6/2020 bà H1 viết giấy có nội dung: *"Hôm nay ngày 08/6/2020, Cô H2 xóm B, Â, L còn nợ lại của cháu Cao Thị H1 và mẹ chồng là Vũ Thị S số tiền 320.000.000đ. Từ trước đến sau"* và số tiền nhận nợ 320.000.000 đồng chính là số tiền nợ 180 triệu đồng được tiếp tục tính lãi từ ngày 06/3/2020 đến ngày 08/6/2020 thành 140 triệu, tổng cộng là 320.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà H2 cho rằng số tiền mình vay của bà H1 là do nợ gốc và nợ lãi cộng dồn vào nên đã có đơn tố giác bà H1 với cơ quan Công an về hành vi cho vay lãi nặng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã tiếp nhận và giải quyết đơn tố giác của bà H2, tiến Hnh điều tra xác minh và có kết luận gửi Tòa án, trong đó kết luận: *"Việc Lê Thị H*

và Vũ Thị H2 khai báo đã trả gốc và lãi cho Cao Thị H1 nhiều lần nhưng không có các tài liệu chứng minh việc Vũ Thị H2 và Lê Thị H trả tiền lãi và tiền gốc cho Cao Thị H1. Bản thân Vũ Thị H2 trong năm 2019 và năm 2020 đã nhiều lần vay nhiều khoản tiền của Cao Thị H1 nhưng các khoản này Vũ Thị H2 đã trả cho Cao Thị H1. Ngoài ra, ngày 27/10/2020, Lê Thị H và Vũ Thị H2 đã ký với Cao Thị H1 01 giấy hẹn trả tiền, với nội dung: Lê Thị H và Vũ Thị H2 hẹn Cao Thị H1 đến ngày 30/12/2020 sẽ thanh toán số tiền 320.000.000 đồng cho Cao Thị H1. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn không có căn cứ để kết luận việc trả tiền gốc và tiền lãi của Lê Thị H và Vũ Thị H2 cho Cao Thị H1" và *"không có căn cứ để xác định mức lãi suất cho vay cụ thể và số tiền mà Cao Thị H1 đã thu lời bất chính từ việc cho Vũ Thị H2 vay tiền"*.

Ngoài kết luận nêu trên của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị đơn Vũ Thị H2 giao nộp cho Tòa án một số giấy tờ có ghi việc vay và trả nợ của bà H2 nhưng việc vay và trả nợ trên đều có trước ngày 08/6/2020. Mặt khác, người nhận tiền là ông Trần Văn Hiển và bà Vũ Thị S (bố mẹ chồng của chị Cao Thị H1) đều khẳng định đây là khoản tiền vay nợ trước mà không liên quan gì đến khoản bà H2 vay của chị H1 320 triệu đồng ngày 08/6/2020. Bên cạnh đó, việc kê khai các khoản trả nợ và trả nợ của bà H2 có nhiều mâu thuẫn, việc bà H2 cho rằng số tiền 320.000.000 đồng chính là số tiền nợ 180 triệu đồng được tiếp tục tính lãi từ ngày 06/3/2020 đến ngày 08/6/2020 do nợ đọng 3 tháng thành 140 triệu đồng, tổng cộng là 320.000.000 đồng là không phù hợp với mức lãi suất như bà H2 đưa ra là 2.500 đồng/1 triệu/ 1 ngày. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ở giai đoạn sơ thẩm bà H2 đều thừa nhận đã vay của bà H1 320.000.000 đồng; tại giấy hẹn trả tiền ngày 27/10/2020, bà H2 và bà H cũng viết hẹn đến ngày 30/12/2020 sẽ trả đầy đủ số tiền đã vay bà Cao Thị H1 số tiền 320 triệu đồng; tại biên bản về thỏa thuận và cam kết trả nợ giữa bà H2 và bà H ngày 29/7/2022 cũng thể hiện ngày 08/6/2020 bà H vay của bà H2 320 triệu đồng, nguồn gốc số tiền trên do bà H2 vay của bà H1.

Với những chứng cứ, tài liệu như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung kháng cào này của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H1, tuyên buộc bà Vũ

Thị H2 phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 320.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về thời gian tính lãi suất chậm trả

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do vậy, cấp phúc thẩm có trách nhiệm xem xét toàn bộ nội dung và các quyết định của bản án sơ thẩm, trong đó có thời gian tính lãi suất chậm trả.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự: *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác".*

Xét thấy, tại giấy vay tiền ngày 08/6/2020 các bên thoả thuận số tiền vay là 320.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 30/6/2020 nhưng do khó khăn về kinh tế nên ngày 27/10/2020 bà Vũ Thị H2, bà Lê Thị H đã có giấy hẹn trả nợ xin khất nợ đến ngày 30/12/2020, bà H1 cũng đã đồng ý thể hiện trong đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày *"Ngày 27/10/2020 chị H2 dẫn theo bà Lê Thị H đến gặp tôi và hai người có viết giấy hẹn trả nợ tôi vào ngày 30/12/2020 nhưng khi đến hẹn chị H2 và chị H vẫn không thanh toán khoản nợ trên"*, đồng thời trong giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay bà H1 khẳng định đồng ý cho bà H2 nợ đến 30/12/2020. Đến ngày 30/12/2020, bà H2 chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H1 như đã hẹn, nên thời điểm ngày 30/12/2020 được xác định là thời điểm bà Vũ Thị H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền mà bà bà Cao Thị H1 đã cho bà Vũ Thị H2 vay theo lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 30/6/2020 đến khi xét xử là chưa phù hợp. Do đó, HĐXX có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị H2.

Căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì việc tính lãi đối với nợ gốc quá hạn chưa trả được tính từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ trong vụ án này là ngày 31/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2023 là 936 ngày. Do vậy số tiền lãi đối với khoản tiền bà Vũ Thị H2 phải trả cho bà Cao Thị H1 được xác định như sau:

320.000.000 đ x 10%/năm x 936 ngày = 82.060.274 đồng (làm tròn 82.060.000 đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi bà Vũ Thị H2 phải có trách nhiệm trả cho bà Cao Thị H1 là: 320.000.000 đồng + 82.060.000 đồng = 402.060.000 đồng.

[3]. Về án phí: Án phí sơ thẩm được tính lại do số tiền phải trả tại cấp phúc thẩm được tính lại. Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị H2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 166, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị H1. Buộc bà Vũ Thị H2 phải có trách nhiệm trả cho bà H1 số tiền nợ gốc 320.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2023 là 82.060.000 đồng. Tổng cộng là 402.060.000 đồng *(Bốn trăm linh hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà Vũ Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 20.824.000 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Không phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm của bà Vũ Thị H2 theo biên lai thu số 0004586 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình được đối trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà H2 phải nộp.

Bà Cao Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Cao Thị H1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 8.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004389 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 27/02/2024./.

Nơi nhận:
- Tòa án NDCC tại H Nội;
- Viện KSNDCC tại H Nội;
- Viện KSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- TAND huyện Lạc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TH, tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kim Trường